**TUẦN 34**

**Thứ Hai ngày 6 tháng 5 năm 2024**

**Tiết 1**  **GIÁO DỤC TẬP THỂ**

**Chào cờ**

**Tiết 2**  **TOÁN**

**Luyện tập chung**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Củng cố kĩ năng cộng trừ, vận dụng để tính giá trị biểu thức số với số thập phân, số tự nhiên, phân số. Cách tìm thành phần chưa biết của phép tính và giải bài toán về chuyển động cùng chiều.

- Vận dụng làm đúng các bài tập.

**2. Năng lực:** HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức đã học vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Bảng phụ, phấn màu, TV, MT, MS. Bài giảng ĐT.

**2. Học sinh :** Nháp, bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động, kết nối** (3 - 5’)  - GV mở video  - Tính: 452,85 - 147 + 52,93 = ?  - Chữa bài, nêu cách làm?  - Giới thiệu bài:  **2.**  **Luyện tập** (32 - 34’)  a. Bài 1  - GV chữa bài, nhận xét, soi bài.  + Nêu cách tính giá trị của biểu thức số không có ngoặc đơn?  - Chốt kiến thức  b. Bài 2:  - GV chấm, chữa, soi bài.  + Nêu cách tìm số hạng, số bị trừ chưa biết trong phép tính?  - Chốt kiến thức  c. Bài 3:  - GV chấm, chữa, soi bài.  => Muốn tính được diện tích hình thang em phải làm gì, làm thế nào?  - Nêu cách tính diện tích hình thang?  - Chốt kiến thức  d. Bài 4 (Dành cho HS tiếp thu nhanh)  e. Bài 5:  - GV chữa, soi bài, nhận xét.  + Vì sao em biết x = 20 ?  - Nêu tính chất của phân số bằng nhau?  - Chốt kiến thức  **3. Củng cố, dặn dò** (2 - 3’)  - Nhận xét giờ học, chuẩn bị bài sau. | - HS khởi động  - HS làm BC  - HS nêu.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm N, nêu cách làm phần a  - HS nêu.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm vở nháp, chữa miệng  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm nháp, chữa miệng  - HS nêu  - HS nêu.  - HS đọc bài  - HS làm bài, chữa miệng  - HS nêu.  - HS nêu  - HS thực hiện |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 3**  **LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**Ôn tập về dấu câu**

(Dấu ngoặc kép)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Ôn tập kiến thức về dấu ngoặc kép, nêu được tác dụng của dấu ngoặc kép

- Làm đúng các bài tập thực hành về kĩ năng sử dụng dấu ngoặc kép

**2. Năng lực:** Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến. Biết vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT, MS.

**2. Học sinh:** Nháp, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động, kết nối** (3 - 5’)  - GV mở video  - Nêu tác dụng của dấu hai chấm?  - Giới thiệu bài:  **2. Luyện tập**: (32 - 34’)  \* Bài 1  - GV chữa bài, chốt lời giải đúng. Soi bài.  - Dấu ngoặc kép đặt vào chỗ nào trong đoạn văn?  - Nêu tác dụng của dấu ngoặc kép?  - Khi sử dụng dấu ngoặc kép để đánh dấu lời nói trực tiếp, ý nghĩa của nhân vật thì trước dấu ngoặc kép là dấu gì?  \* Bài 2  - GV chấm, chữa bài. Soi bài.  - Đặt dấu ngoặc kép vào chỗ nào trong đoạn văn nào, vì sao?  => Khi sử dụng dấu ngoặc kép để đánh dấu từ ngữ được dùng với ý nghĩa đặc biệt thì trước dấu ngoặc kép không có dấu hai chấm  \* Bài 3  - GVchữa bài, nhận xét . Soi bài.  - Nêu tác dụng của dấu ngoặc kép?  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (2 - 4’)  - Nêu tác dụng của dấu ngoặc kép?  - GV nhận xét giờ học, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm vở bài tập, chữa miệng  - Em nghĩ: “Phải nói … biết”; “Thưa thầy ... ở trường này”  - HS nêu.  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm vở bài tập, chữa miệng  - “Người giàu có nhất” ; “gia tài”  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm vở bài tập, chữa miệng  - HS nêu.  - HS nêu.  - HS thực hiện. |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 4** **ĐẠO ĐỨC**

**Sử dụng tiền hợp lý (T.2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Sau tiết học, HS có khả năng:  
- Hiểu được việc sử dụng, chi tiêu tiền hợp lí

**2. Năng lực:** Trình bày, giao tiếp, hợp tác, lựa chọn, giải quyết vấn đề … HS biết tìm kiếm, xử lí thông tin và hợp tác.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất: tiết kiệm, yêu quý tiền.  
**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: TV, MT. Hệ thống câu hỏi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Trò chơi: Tập làm phóng viên nhỏ tuổi. - Gợi ý nội dung phỏng vấn: Bạn đã sử dụng tiền được mừng tuổi vào những khoản chi tiêu nào? - Giới thiệu bài:  **2. Hình thành kiến thức** (28- 30’)  **Hoạt động 1**: Thảo luận nhóm 4  \* MT: Cách sử dụng tiền hợp lí  \* CTH:  - Cho HS TLN  + Nêu cách sử dụng tiền hợp lí ?  \* GV chốt: Cần phải sử dụng tiền hợp lí và tiết kiệm. Đồng thời, kêu gọi người thân cùng sống tiết kiệm.Tiết kiệm tiền của là sử dụng tiền của một cách hợp lí, có hiệu quả vừa ích nước, vừa lợi nhà. **Hoạt động 2**: Thực hành (Nhóm đôi)  \* MT: Lập kế hoạch sử dụng tiền hợp lí \* CTH:  - Yêu cầu HS TLN đôi  + Theo em, sử dụng tiền hợp lý, nên làm gì và không nên làm gì?  - Nhận xét \* Xử lí tình huống sau: Mai đang dùng hộp bút màu rất tốt, nay lại được bạn tặng thêm một hộp giống hệt hộp cũ nhân dịp sinh nhật. Em hãy giúp bạn Hà chọn cách giải quyết phù hợp trong tình huống đó: - Gọi hs nêu cách giải quyết phù hợp \* GV: Nhận xét, chốt  **Hoạt động 3**: Vận dụng  \* MT: HS vận dụng vào cuộc sống.  \* CTH:  - GV nêu câu hỏi - Em đã biết sử dụng tiền hợp lý chưa? Em dự định sẽ tiết kiệm sách vở, đồ dùng, đồ chơi như thế nào? Hãy trao đổi về dự định của em với các bạn trong nhóm.  \* GV chốt:  **3. Củng cố, dặn dò:** (2- 3’) - Nhắc lại nội dung bài: Sử dụng tiền hợp lý là sử dụng ntn?  - Chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - HS chơi  - HS thảo luận nhóm (Nhóm 4) - Nhóm trưởng báo cáo: + Chi tiêu những khoản thực sự cần thiết. + Khi mua đồ chọn nơi có giá bán hợp lý và mua với số lượng vừa đủ dùng. + Chi tiêu phù hợp với hoàn cảnh kinh tế gia đình và số tiền mình hiện có.  - HS TLN đôi  - Lập kế hoạch sử dụng tiền hợp lí - Nên: Tiêu xài tiền hợp lí. Ăn uống phù hợp không phung phí. Khóa nước cẩn thận khi sử dụng xong. Tắt điện và thiết bị điện khi ra ngoài.. - Không nên: Mua đồ phung phí không sử dụng đến. Để thừa nhiều thức ăn. Xả nước chảy phung phí. Thường xuyên mua đồ ăn vặt... - HS nêu cách giải quyết phù hợp - Trong tình huống đó, em sẽ khuyên Hà có thể mang hộp bút cũ còn dùng được tặng bạn có hoàn cảnh khó hơn, còn Hà dùng hộp mới. Hoặc cũng có thể Hà cất hộp mới để dành, dùng nốt hộp màu cũ lúc nào hết thì dùng hộp bút mới.  - HS TLN trả lời.  - Em đã biết sử dụng tiền hợp lý. Em dành một phần tiền ăn sáng và chi tiêu mẹ cho để bỏ vào lợn tiết kiệm, không mua những thứ không cần thiết… Em dự định tiết kiệm sách vở, đồ dùng, đồ chơi bằng cách sử dụng lại bộ sgk giáo khoa cũ, bộ đồ dùng học tập cũ... Không mua nhiều đồ chơi, không ăn hàng quán la cà ngoài đường...  - HS nhắc lại |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………..

**Tiết 5** **KHOA HỌC**

**Tác động của con người đến**

**môi trường không khí và nước**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**:

-Biết đượcnhững nguyên nhân dẫn đến MT không khí và nước bị ô nhiễm.

- Nêu những nguyên nhân dẫn đến môi trường không khí và nước bị ô nhiễm

- Nêu tác hại của việc ô nhiễm không khí và nước.

- Liên hệ thực tế về những nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường nước và không khí ở địa phương.

## \* Giáo dục học sinh ý thức bảo vệ môi trường.

**2. Năng lực:** Nhận thức, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

**3. Phẩm chất:** Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học và ý thức bảo vệ môi trường.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- TV, MT. Thông tin và hình trang 138, 139 SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Bắn tên": Nêu những nguyên nhân làm cho đất trồng ngày càng bị thu hẹp và thoái hoá? (Mỗi HS chỉ nêu 1 nguyên nhân)  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng  **2. Hình thành kiến thức**  a,HĐ1: Quan sát và thảo luận: (13-15’)  \* Mục tiêu: Nêu những nguyên nhân dẫn đến môi trường không khí và nước bị ô nhiễm.  \* Cách tiến hành:  - GV yêu cầu HS thảo luận để trả lời các câu hỏi :  + Nêu nguyên nhân dẫn đến việc làm ô nhiễm không khí và nước ?  + Điều gì xảy ra nếu tàu biển bị đắm hoặc những đường ống dẫn dầu đi qua đại dương bị rò rỉ ?  + Tại sao một số cây trong hình 5/139 bị trụi lá? Nêu mối liên quan giữa ô nhiễm môi trường không khí với ô nhiễm môi trường đất và nước.  \* Kết luận: Có nhiều nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường không khí và nước, trong đó phải kể đến sự phát triển của các ngành công nghiệp khai thác tài nguyên và sản xuất ra của cải vật chất  b, HĐ 2: Thảo luận (13-15’)  \* Mục tiêu: Nêu tác hại của việc ô nhiễm không khí và nước.  - Liên hệ thực tế về những nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường nước và không khí ở địa phương.  \* Cách tiến hành:  - Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm  - Trình bày kết quả  - Liên hệ những việc làm của người dân địa phương em dẫn đến việc gây ô nhiễm môi trường không khí và nước.  + Nêu tác hại của việc ô nhiễm không khí và nước ?  \* Kết luận:  - Yêu cầu HS đọc mục Bạn cần biết  **3. Củng cố, dặn dò**: (2-3’)  - Liên hệ: Nêu những tác động của người dân địa phương em làm ảnh hưởng đến môi trường ?  - GV dặn HS về nhà tiếp tục sưu tầm các thông tin, tranh ảnh về các biện pháp bảo vệ môi trường; chuẩn bị trước bài “Một số biện pháp bảo vệ môi trường”. | - HS khởi động  - HS chơi trò chơi  - Có nhiều nguyên nhân làm cho đất trồng ngày càng bị thu hẹp và suy thoái:  + Dân số gia tăng, nhu cầu chỗ ở tăng, nhu cầu lương thực tăng, đất trồng bị thu hẹp. Vì vậy, người ta phải tìm cách tăng năng suất cây trồng, trong đó có biện pháp bón phân hóa học, sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ,… Những việc làm đó khiến môi trường đất, nước bị ô nhiễm.  + Dân số tăng, lượng rác thải tăng, việc xử lí rác thải không hợp vệ sinh cũng là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường đất.  - HS nghe  - HS nhắc lại  - Các nhóm quan sát các hình trang 138, 139 SGK để trả lời. Đại diện các nhóm trình bày .  - Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí, khí thải, tiếng ồn do phương tiện giao thông và các nhà máy gây ra.  - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước: nước thải từ các thành phố, nhà máy, các đồng ruộng bị phun thuốc trừ sâu, bón phân hoá học chảy ra sông, biển; sự đi lại của tàu trên sông, biển, thải ra khí độc, dầu nhớt,…  + Tàu biển bị đắm hoặc những đường ống dẫn dầu đi qua đại dương bị rò rỉ dẫn đến hiện tượng biển bị ô nhiễm làm chết những động vật, thực vật sống ở biển và chết cả những loài chim kiếm ăn ở biển.  + Trong không khí có chứa nhiều khí thải độc của các nhà máy, khu công nghiệp. Khi trời mưa cuốn theo những chất độc hại đó xuống làm ô nhiễm môi trường đất, nước, khiến cho cây cối ở những vùng đó bị trụi lá và chết .  - HS làm việc theo nhóm.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Đun than tổ ong, vứt rác xuống ao, hồ, cho nước thải sinh hoạt chảy trực tiếp ra sông, ao,…  + Ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ con người; cây trồng và vật nuôi chậm lớn,…  - HS đọc lại mục Bạn cần biết.  - HS nêu  - HS lắng nghe. | |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 6** **TOÁN**

**Luyện tập chung**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Củng cố kĩ năng thực hiện phép tính cộng trừ nhân chia với số tự nhiên, số thập phân, phân số, số đo thời gian.

- Tìm thành phần chưa biết của phép tính

**2. Năng lực**: HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức đã học vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Bảng phụ, phấn màu. TV, MT, MS.

**2. Học sinh:** BC, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Tính: 86,75 - 42 + 15,45 = ?  - GV chữa bài, nêu cách làm?  - Giới thiệu bài:  **2. Luyện tập** (32 - 34’)  a. Bài 1  - GV chữa bài, nhận xét. Soi bài.  + Nêu cách nhân, chia 2 số tự nhiên (2 phân số, 2 số thập phân)? Nêu cách thực hiện phép chia số đo thời gian?  - Chốt kiến thức  b. Bài 2  - GV chữa bài, nhận xét  + Nêu cách tìm số bị chia (số chia, thừa số) chưa biết trong phép tính?  - Chốt kiến thức  c. Bài 3  - GV chấm, chữa bài. Soi bài.  - Chốt kiến thức  d. Bài 4  - Bài hỏi gì?  - GV chấm, chữa bài. Soi bài.  - Em làm thế nào để tìm được số tiền vốn người đó bỏ ra là 1500000 đồng?  + Nêu cách tìm 1 số % của 1 số?  - Chốt kiến thức  \* Dự kiến sai lầm: Bài 4 HS không hiểu 1 800 000 đồng là số tiền cả gốc và lãi (tức là của 120%) nên làm sai  **3. Củng cố, dặn dò** (2 - 3’)  - Nhận xét giờ học, chuẩn bị bài sau. | - HS khởi động  - HS làm bài.  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm bài, nêu cách làm.  - HS nêu.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm vở nháp, chữa miệng.  - HS nêu.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm bài, chữa chung.  - HS chia sẻ  \* Dự kiến tình huống chia sẻ của HS:  + Bạn có thể trình bày lại bài làm?  + Muốn tìm được số đường bán trong ngày thứ 3 bạn phải làm gì?  + Nêu cách tìm 1 số phần trăm của 1 số?  + Để làm bài này bạn đã vận dụng những kiến thức gì?  - HS đọc bài.  - Tìm số tiền vốn bỏ ra  - HS làm nháp, chữa miệng  - HS nêu  - HS nêu |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………..

**Tiết 7** **THỂ DỤC**

**Ném bóng - Trò chơi: Dẫn bóng**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**, **kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Ném bóng. YC thực hiện cơ bản đúng động tác và nâng cao thành tích.

- Chơi trò chơi: Dẫn bóng**.** Yêu cầu biết cách chơi và tham gia chơi tương đối chủ động, tích cực.

**2. Năng lực**: Rèn luyện năng lực hoạt động độc lập, hợp tác trong nhóm, mạnh dạn, tự tin trước tập thể.

**3. Phẩm chất**: HS có ý thức tập luyện TDTT để rèn luyện sức khỏe.

**II. ĐỊA ĐIỂM - PHƯƠNG TIỆN:**

- Địa điểm: Trên sân trư­ờng. Vệ sinh nơi tập

- Phư­ơng tiện: Còi, mỗi tổ 3- 5 quả bóng rổ số 5, chuẩn bị bảng rổ, kẻ sân để tổ chức trò chơi và ném bóng.

**III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung và phương pháp** | **Định lượng** | **Đội hình đội ngũ** |
| **1. Phần mở đầu**:  - Lớp trưởng tập hợp lớp, điểm số báo cáo  - GV phổ biến NV, yêu cầu bài học.  - Lớp chạy chậm theo đội hình tự nhiên quanh sân tập 120-150m sau đó xoay các khớp cổ chân, cổ tay, khớp gối.  - Ôn các động tác của bài thể dục phát triển chung.  **2. Phần cơ bản**:  a. Ném bóng: Đứng ném bóng vào rổ bằng một tay trên vai.  - GV nêu tên động tác  - GV thực hiện mẫu, GV phân tích ĐT  - HS tập theo ĐH 2 hàng dọc lần lượt 2 HS vào thực hiện  b. Chơi trò chơi:Dẫn bóng.  - GV nêu tên trò chơi và quy định chơi.  - Cho HS tham gia chơi thử.  - Cho HS chơi chính thức  - GV quan sát nhận xét, biểu dương tổ chơi nhiệt tình đúng luật  **3. Phần kết thúc**:  - Cho HS chạy chậm, hít thở sâu tích cực.  - Nhận xét, đánh giá kết quả bài học.  - Về nhà ném bóng trúng đích. | 6 - 10’  14 - 16’  4 - 6’ | 🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹  **lop5-nemro1tay**  lop4-tcdbong  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹 |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Thứ Ba ngày 7 tháng 5 năm 2024**

**Tiết 1**  **TOÁN**

**Luyện tập chung**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Củng cố và rèn luyện kĩ năng cộng trừ nhân chia số thập phân, nhân chia phân số, hỗn số.

- Rèn kỹ năng giải toán.

**2. Năng lực**: HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức nhân chia số thập phân, phân số, hỗn số vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Bảng phụ, phấn màu. TV, MT, MS.

**2. Học sinh:** BC, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Tìm x. x : 25 = 48,4 + 26,6  - Chữa bài, nêu cách làm?  - Giới thiệu bài:  **2.** **Luyện tập** (32- 34’)  a. Bài 1/176 (cột 1): Tính  - GV chữa bài nhận xét. Soi bài.  - Khi nhân 1 phân số với 1 hỗn số em cần lưu ý gì ?  + Nêu thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức c?  - Chốt kiến thức  b. Bài 2: Tính bằng cách thuận tiện  - GV chữa bài, nhận xét. Soi bài.  - Nêu cách tính thuận tiện ?  => Khi thực hiện các phép nhân phân số em cần lưu ý gì?  - Chốt kiến thức  c. Bài 3  - Bài yêu cầu gì?  - GV chấm, chữa bài. Soi bài.  + Em làm thế nào để tìm được chiều cao của bể?  + Nêu cách tính chiều cao của hình hộp chữ nhật?  - Chốt kiến thức  d. Bài 4 (Dành cho HS tiếp thu nhanh)  e. Bài 5  - GV chữa, nhận xét. Soi bài.  - Em đã vận dụng những kiến thức nào để làm bài ?  - Nêu cách tìm thừa số chưa biết ?  - Chốt kiến thức  \* Dự kiến sai lầm: Bài 5: HS không biết vận dụng tính chất nhân 1 số với 1 tổng để tìm x.  **3. Củng cố, dặn dò**: (2 - 3')  - Nhận xét giờ học, chuẩn bị bài sau. | - HS khởi động  - HS làm bài bc.  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm phần a,c nêu cách làm.  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm nháp    - HS nêu  - Tính nhẩm, tìm kết quả là phân số tối giản.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - Tìm chiều cao của bể  - HS làm vở, chữa bài. Chia sẻ.  Chiều cao của mực nước:  414,72 : (22,5 x 19,2) = 0,96 (m)  Chiều cao của bể là:  0,96 : 4/5 = 1,2 (m)  - Tìm chiều cao của mực nước trong bể sau đó tìm chiều cao của bể  - HS nêu.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm bài.  - Tính chất nhân 1 số với 1 tổng  - HS nêu |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………..

**Tiết 2**  **TẬP LÀM VĂN**

**Ôn tập về tả người**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Ôn tập kĩ năng lập dàn ý cho bài văn tả người.

- Ôn luyện kĩ năng trình bày miệng dàn ý bài văn tả người: Trình bày rõ ràng rành mạch tự tin.

**2. Năng lực:** HS mạnh dạn tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT, MS.

**2. Học sinh:** nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động, kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Nêu cấu tạo của bài văn tả người?  - Nhận xét.  - Giới thiệu bài:  **2. Luyện tập**: (32 - 34’)  \* Bài 1  - GV trình chiếu đề (MH)  - Cho HS phân tích đề, GV gạch chân từ trọng tâm  - Em chọn đề tài nào để tả?  - Yêu cầu HS đọc thầm gợi ý 1  - Kiểm tra sự chuẩn bị của HS, nhận xét  - Cho HS bổ sung vào dàn ý đã chuẩn bị  - Gọi HS trình bày, nhận xét  => Dàn ý của bài văn tả người gồm mấy phần? Khi lập dàn ý cần viết gì, viết thế nào?  - Khi lập dàn ý cho bài văn tả người cần lưu ý gì?  \* Bài 2  - Bài yêu cầu gì?  - Em chọn phần nào trong dàn ý ở bài 1 để trình bày?  - Gọi HS dựa vào dàn ý đã lập trình bày 1 đoạn trong bài  - GV soi bài, nhận xét  + Mở bài, kết bài theo kiểu nào? Đã tự nhiên chân thực chưa, thân bài tả được hình dáng đặc điểm của người đó chưa?  => Trình bày miệng 1 đoạn hay cả bài văn khác trình bày dàn ý ở điểm nào?  - Để viết được đoạn văn tả người hay, sinh động, chân thực em cần lưu ý gì?  **3. Củng cố**, **dặn dò**:(2 - 4’)  - Nêu cấu tạo của bài văn tả người?  - GV chuẩn bị giờ học, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - 3 HS đọc lại các đề bài  - Phân tích đề  - HS nêu  - HS đọc gợi ý 1  - HS đọc  - HS làm vở bài tập  - HS trình bày, HS khác nhận xét.  - HS nêu.  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu?  - Tập nói theo dàn ý đã lập  - HS nêu  - HS trình bày miệng theo từng phần: Mở bài, thân bài, kết luận  - HS khác nhận xét bài của bạn.  - HS nêu.  - HS nêu  - HS nêu  - HS thực hiện. |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………

**Tiết 4** **TẬP ĐỌC**

**Lớp học trên đường**

**Theo Hec- to Ma- lô**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Đọc trôi chảy diễn cảm toàn bài. Đọc đúng tên riêng nước ngoài: Vi-ta-li, Ca- pi, Rê- mi

- Hiểu ý nghĩa truyện: Ca ngợi tấm lòng nhân từ, quan tâm giáo dục trẻ của cụ Vi- ta- li, và khao khát quyết tâm học tập của cậu bé nghèo Rê- mi

**2. Năng lực**: Rèn cho HS mạnh dạn tự tin trình bày ý kiến rõ ràng, ngắn gọn trước lớp; biết lắng nghe bạn đọc và trả lời để cùng chia sẻ.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt. Ý thức thực hiện quyền được học tập, ham học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Tranh minh hoạ /SGK. TV, MT.

**2. Học sinh**: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Đọc bài: Sang năm con lên bảy.  - Nêu nội dung bài?  - Giới thiệu bài:  **2. Hình thành kiến thức**  **a. Luyện đọc đúng**: (10 - 12’)  - Đọc nối đoạn?  \* Rèn đọc đoạn:  - Đoạn 1:  + Nêu cách đọc đúng đoạn 1?  - Đoạn 2:  + Nêu cách đọc đúng đoạn 2?  - Đoạn 3:  + Nêu cách đọc đúng đoạn 3?  + Nêu cách đọc đúng đoạn toàn bài?  - Gọi HS đọc cả bài.  - GV đọc mẫu lần 1.  **b. Tìm hiểu bài**: (10 - 12’)  - Rê- mi học chữ trong hoàn cảnh thế nào?  - Lớp học của Rê- mi có gì đặc biệt?  => GV tổng kết.  - Tìm những chi tiết cho thấy Rê- mi là 1 cậu bé hiếu học?  => Cậu bé Rê- mi rất ham học, cuộc đời lưu lạc của cậu đã may mắn được gặp cụ Vi- ta- li….  - Qua câu chuyện này em có suy nghĩ gì về quyền học tập của trẻ em?  - Nêu nội dung chính của bài?  **c. Đọc diễn cảm**:(10 - 12’)  - Đ1: Nêu cách đọc diễn cảm đoạn 1?  - Đ 2: Nêu cách đọc diễn cảm đoạn 2?  - Đ3: Nêu cách đọc diễn cảm đoạn 3?  +Nêu cách đọc diễn cảm toàn bài?  - GV đọc mẫu lần 2.  - Gọi HS đọc bài.  - GV nhận xét, tư vấn cho 1 số HS.  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (2 - 4’)  - Nêu nội dung chính của bài?  - Nhận xét giờ học, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - HS đọc  - HS nêu.  - 1 HS đọc bài, lớp đọc thầm tập chia đoạn (3 đoạn)  Đoạn 1: Cụ Vi- ta- li… mà đọc được  Đoạn 2: Khi dạy tôi ...cái đuôi  Đoạn 3: Còn lại  - 3 HS đọc nối đoạn  - HS đọc SGK, nêu nghĩa của từ: ngày một ngày hai  - Đọc trôi chảy lưu loát, đọc đúng tên riêng nước ngoài.  - HS luyện đọc đoạn 1 theo dãy  + GN: tấn tới  - HS đọc SGK, nêu nghĩa của từ  - Đọc trôi chảy lưu loát, ngắt nghỉ hơi đúng sau các dấu câu  - HS luyện đọc đoạn 2 theo dãy  + Giải nghĩa: Đắc chí, sao nhãng. HS đọc thầm / SGK  - Đọc đúng ngữ điệu các câu thoại, câu hỏi, câu kể.  - HS luyện đọc đoạn 3 theo dãy  - Toàn bài đọc lưu loát ngắt nghỉ đúng dấu câu...  - 1- 2 HS đọc  - HS đọc thầm đoạn 1,2  - HS nêu.  - Có cả 1 chú chó cùng học…, sách là những miếng gỗ mỏng khắc chữ, lớp học ở trên đường.  - HS đọc thầm đoạn 3  - Lúc nào trong túi Rê- mi cũng có những miếng gỗ dẹt, cậu không dám sao nhãng 1 phút nào, cậu thích học âm nhạc, …  - Trẻ em cần được dạy dỗ học hành, người lớn cần phải tạo điều kiện quan tâm giúp đỡ trẻ em học và trẻ em phải cố gắng say mê học tập.  - HS nêu  - Đọc giọng kể chậm rãi, lời cụ Vi- ta- li ôn tồn điềm đạm.  - HS luyện đọc đoạn 1 theo dãy  - Đọc giọng kể nhẹ nhàng, câu cuối đoạn đọc giọng nghiêm khắc.  - HS luyện đọc đoạn 2 theo dãy  - Đọc phân biệt lời các nhân vật: Lời cụ Vi- ta- li nhân từ cảm động; lời Rê- mi nhẹ nhàng đầy cảm xúc  - HS luyện đọc đoạn 3 theo dãy  - HS nêu cách đọc diễn cảm cả bài.  - HS đọc theo đoạn (3em), đọc đoạn mình thích (2- 3 em), đọc cả bài (3- 4 em) |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………..

**Tiết 5**   **LỊCH SỬ**

**Ôn tậ: Lịch sử nước ta từ giữa thế kỉ XIX đến nay**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:** Giúp học sinh.

**-** Nắm được một số sự kiện, nhân vật lịch sử tiêu biểu từ 1858 đến nay:

+ Thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhân dân ta đứng lờn chống Pháp.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo cách mạng nước ta; Cách mạng tháng Tám thành công; ngày 2- 9- 1945 Bác Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

+ Cuối năm 1945 thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta, nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến giữ nước. Chiến thắng Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến.

+ Giai đoạn 1954- 1975: Nhân dân miền Nam đứng lên chiến đấu, miền Bắc vừa xây dựng chủ nghĩa xó hội, vừa chống trả cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ, đồng thời chi viện cho miền Nam. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, đất nước được thống nhất.

**2. Năng lực:** HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến; tích cực hoạt động và hợp tác với bạn trong nhóm.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích tìm hiểu lịch sử của đất nước. GD: Lòng tự hào về truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc.

**II. ĐỒ DÙNG HỌC TẬP**

**1. Giáo viên:** TV, MT. Hệ thống câu hỏi ôn tập.

- Bản đồ Hành chính Việt nam. Phiếu học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động, kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Nêu ý nghĩa của chiến thắng Cát Bi?  - Nêu cảm nghĩ của em về các chiến sĩ của đoàn dũng sĩ Cát Bi nói riêng và con người Hải Phòng nói chung?  - Nhận xét. Giới thiệu bài:  **2. Ôn tập:** (28- 30’)  **HĐ 1: Ôn tập các sự kiện lịch sử tiêu biểu trong giai đoạn 1954 - 1975**.  \* Mục tiêu:Nắm được một số sự kiện, nhân vật lịch sử tiêu biểu từ 1858 đến nay:  - Thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhân dân ta đứng lên chống Pháp.  - Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo cách mạng nước ta; Cách mạng tháng Tám thành công; ngày 2- 9- 1945 Bác Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.  - Cuối năm 1945 thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta, nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến giữ nước. Chiến thắng Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến.  - Giai đoạn 1954- 1975: Nhân dân miền Nam đứng lên chiến đấu, miền Bắc vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chống trả cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ, đồng thời chi viện cho miền Nam. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, đất nước được thống nhất.  \* Cách tiến hành:   * Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm bàn, nội dung sau.   + Từ 1945 đến nay lịch sử nước ta chia làm mấy giai đoạn?  + Thời gian của mỗi giai đoạn?  + Mỗi giai đoạn có sự kiện lịch sử tiêu biểu nào? + Sự kiện nạn đói xảy ra trong thời gian nào?   * GV theo dõi làm trọng tài cho các em khi cần thiết.   \* Kết luận:  **HĐ2:Ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.**  \* Mục tiêu: Học sinh nêu ý nghĩa lịch sử.  \* Cách tiến hành:   * Giáo viên nêu câu hỏi: * Nêu ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước?   - Giáo viên nhận xét  \* Kết luận.   * Là một trong những chiến thắng hiển hách nhất trong lịch sử dân tộc. * Đánh tan chính quyền Mĩ- Nguỵ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, chấm dứt 21 năm chiến tranh. * Từ đây, Nam - Bắc được thống nhất.   **3. Củng cố- Dặn dò** (2- 3’)  - GD: Lòng tự hào về truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc.  - Nêu các sự kiện lịch sử tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước?   * Vì sao đất nước ta bị chia cắt? * Giáo viên nhận xét tiết học | - HS khởi động  - 2 học sinh trả lời.  - Lắng nghe.   * Học sinh thảo luận theo nhóm.   - 1 vài nhóm phát biểu.  - Nhóm khác bổ sung   * HS thảo luận theo nhóm đôi.   - 1 số nhóm phát biểu.   * Học sinh nhắc lại. * Học sinh nêu. |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 6**  **CHÍNH TẢ (NHỚ- VIẾT)**

**Sang năm con lên bảy**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Nhớ - viết đúng chính tả, trình bày đẹp bài: Sang năm con lên bảy

- Tiếp tục luyện tập viết hoa tên các cơ quan, tổ chức

**2. Năng lực**: Rèn cho HS tính cẩn thận khi đặt bút, có ý thức viết đúng chính tả.

**3. Phẩm chất**: Giáo dục HS yêu quý ông bà, cha mẹ và những người thân trong gia đình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Bảng phụ, phấn màu, TV, MT, MS.

**2. Học sinh**:bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Viết: Tổ chức Cứu trợ trẻ em của Thuỵ Điển.  - Nhận xét, nêu cách viết?  - Giới thiệu bài:  **2. Hình thành kiến thức**  a. Hướng dẫn chính tả: (10 -12’)  - GV đọc mẫu bài viết  - Trong bài có từ nào khó viết?  - GV viết từ khó yêu cầu HS phân tích:  lon ton, giành lấy, chẳng, ngày xưa  - Gọi HS phân tích từ khó (các tiếng gạch chân)  + Phân tích tiếng “giành” trong từ “giành lấy”  + Âm đầu trong tiếng giành được viết bằng những con chữ nào?  + Các tiếng còn lại tiến hành tương tự.  - Đọc cho HS viết từ khó.  - Bài viết ở thể loại nào, nêu cách trình bày?  b. Viết chính tả: (14 - 16’)  - GV hướng dẫn tư thế ngồi viết  - Kiểm tra phần thuộc bài của HS -> cho HS nhẩm bài  - Cho HS tự nhớ và viết bài vào vở (dùng hiệu lệnh bắt đầu và kết thúc)  c. Chấm, chữa: (3 - 5’)  - GV đọc cho HS soát bài, soát lỗi.  - GV chấm 8 - 10 bài, nhận xét tư vấn cho 1 số HS. Soi bài.  d. Hướng dẫn bài tập chính tả (7- 9’)  \* Bài 2  - GV chấm, chữa bài, nhận xét và kết luận lời giải đúng  => Nêu cách viết tên các cơ quan tổ chức đó?  \* Bài 3  - GV chấm, chữa bài, nhận xét và kết luận lời giải đúng. Soi bài.  => Nêu cách viết tên các tổ chức, cơ quan, đơn vị?  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (1 - 2’)  - Nêu cách viết tên các cơ quan, xí nghiệp, tổ chức?  - Nhận xét giờ học, chuẩn bị bài sau: | - HS khởi động  - HS viết bảng con  - HS nêu.  - HS theo dõi  - HS thảo luận nhóm đôi (2’): tìm từ khó viết.  \* Dự kiến HS tìm được các từ khó:  lon ton, giành lấy, chẳng, ngày xưa  - HS đọc, phân tích từ khó, phân tích các tiếng có âm đầu là tổ hợp chữ cái  + giành = gi + anh + thanh huyền  + Âm đầu gi được viết bằng 2 con chữ ….  - HS viết bảng con  - HS nêu  - HS sửa lại tư thế ngồi  - Cả lớp nhẩm bài  - HS tự nhớ bài và viết bài vào vở  - HS soát bài, soát lỗi, ghi số lỗi, chữa lỗi.  - HS đổi vở soát lỗi cho nhau.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm vở bài tập, chữa bài.  - HS nêu.  - HS đọc yêu cầu  - HS làm vở bài tập, chữa miệng  - HS nêu |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………..

**Tiết 7** **THỂ DỤC**

**Trò chơi: Nhảy đúng, nhảy nhanh và Ai kéo khoẻ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Cho học sinh chơi 2 trò chơi “Nhảy đúng, nhảy nhanh” và “Ai kéo khoẻ”. Yêu cầu tham gia vào trò chơi chủ động tích cực.

**2. Năng lực**: Rèn luyện năng lực hoạt động độc lập, hợp tác trong nhóm, mạnh dạn, tự tin trước tập thể.

**3. Phẩm chất**: HS có ý thức tập luyện TDTT để rèn luyện sức khỏe.

**II. ĐỊA ĐIỂM, PHƯ­ƠNG TIỆN**

- Trên sân tr­ường, vệ sinh nơi tập, đảm bảo an toàn luyện tập

- 1 còi, kẻ sân để chơi trò chơi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung và phương pháp** | **Đ.lượng** | **Đội hình đội ngũ** |
| **1. Phần mở đầu**:  - Lớp tr­ưởng tập hợp lớp, điểm số báo cáo  - GV phổ biến nhiệm vụ, yêu cầu bài học.  - Lớp chạy chậm theo đội hình tự nhiên quanh sân tập 120 -150m sau đó xoay các khớp cổ chân, cổ tay, khớp gối.  - Ôn các động tác tay, chân, vặn mình, toàn thân, thăng bằng và nhảy của bài thể dục phát triển chung.  **2. Phần cơ bản**:  a. Trò chơi: Nhảy đúng, nhảy nhanh  - GV nêu lại cách chơi và quy định chơi  - Cho HS chơi, GV quan sát làm trọng tài cuộc chơi  b. Chơi trò chơi:“ Ai kéo khoẻ”  - GV nêu lại cách chơi và quy định chơi.  - Cho HS chơi  - GV quan sát nhận xét, biểu d­ương tổ chơi nhiệt tình đúng luật  **3. Phần kết thúc**:  - Cho HS chạy chậm, hít thở sâu tích cực.  - Nhận xét, đánh giá kết quả bài học.  - Về nhà tập đá cầu, ném bóng trúng đích | 6 - 10’  18 - 22’  4 - 6’ | 🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹      🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹 |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………..

**Thứ Tư ngày 8 tháng 5 năm 2024**

**Tiết 1**  **TOÁN**

**Luyện tập chung**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Củng cố cách thực hiện phép cộng, trừ, nhân, chia số thập phân; số đo thời gian; tìm số trung bình cộng.

- Rèn luyện kỹ năng tính giá trị của biểu thức, kĩ năng giải toán về tỉ số % ; toán chuyển động đều.

**2. Năng lực**: HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức cộng, trừ, nhân, chia số thập phân; số đo thời gian; tìm số trung bình cộng vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Bảng phụ, phấn màu, TV, MT, MS.

**2. Học sinh:** Nháp, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Tìm x; x - 68,15 = 6,34 x 7  - Chữa bài, nêu cách làm?  - Giới thiệu bài:  **2. Luyện tập** (32 - 34’)  a. Bài 1/ 177  - GV chữa bài, nhận xét. Soi bài.  - Nêu thứ tự thực hiện phép tính trong biểu thức a ?  => Nêu thứ tự thực hiện phép tính có và không có ( ) ?  - Chốt kiến thức  b. Bài 2a/ 177  - GV chữa bài, nhận xét. Soi bài.  - Nêu cách tìm số trung bình cộng của nhiều số?  - Chốt kiến thức  c. Bài 3:  - GV chữa bài, nhận xét. Soi bài.  => Làm thế nào để tìm được tỉ số % của HS trai (HS gái)?  - Nêu cách tìm tỉ số % của 2 số?  - Chốt kiến thức  d. Bài 4: (Dành cho HS TTN)  - GV giúp đỡ.  - Làm thế nào em tìm được số sách sau 2 năm của thư viện?  => Nêu cách tìm 1 số % của 1 số?  - Chốt kiến thức  e. Bài 5: (Dành cho HS TTN)  - Bài hỏi gì?  - GV chấm chữa bài  + Muốn tìm được V của tàu khi nước lặng và V dòng nước em làm thế nào? Nêu cách giải ?  + Nêu cách tìm V thực của phương tiện, V dòng nước khi biết V của phương tiện khi xuôi dòng, ngược dòng?  + Để làm bài này em đã vận dụng những kiến thức gì?  - Chốt kiến thức  \* Dự kiến sai lầm: Bài 4, 5 HS có thể làm sai vì không xác định đúng dạng toán.  **3. Củng cố, dặn dò** (2- 3')  - Chuẩn bị bài sau. | - HS khởi động  - HS làm nháp  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm bảng con; nêu cách làm của biểu thức a,b ?  - HS nêu  - HS đọc bài.  - HS làm bảng con  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm bài, chữa miệng. Chia sẻ.  - HS nêu  - HS nêu.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm vở nháp, chữa bảng phụ.  - HS nêu    - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm bài    - HS nêu |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 2** **LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**Mở rộng vốn từ : Quyền và bổn phận**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Mở rộng, hệ thống hoá vốn từ, hiểu nghĩa các từ nói về quyền và bổn phận của trẻ em. Hiểu nghĩa các từ thuộc chủ điểm

- Biết viết đoạn văn trình bày suy nghĩ nhân vật Út Vịnh (bài tập đọc Út Vịnh), về bổn phận trẻ em thực hiện an toàn giao thông.

**2. Năng lực**: Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến. Biết vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt. GD hiểu và thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT, MS. Từ điển Tiếng Việt.

**2. Học sinh:** nháp

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Nêu tác dụng của dấu ngoặc kép?  - Giới thiệu bài:  **2. Hướng dẫn luyện tập**: (32 - 34’)  \* Bài 1:  - Cho HS dùng từ điển để làm bài  - GV nhận xét và chốt lời giải đúng. Soi bài.  + Nhóm a gồm các từ: Quyền lợi, nhân quyền  + Nhóm b gồm các từ: Quyền hạn, quyền hành, quyền lực, thẩm quyền  (GV có thể nêu nghĩa 1 số từ)  \* Bài 2:  - GV chấm, chữa bài. Soi bài.  + Những từ nào đồng nghĩa với từ “bổn phận”?  => Thế nào là từ đồng nghĩa?  \* Bài 3:  - GV chấm bài, nhận xét. Soi bài.  => Năm điều Bác dạy nói về quyền hay bổn phận của thiếu nhi?  - Lời Bác dạy thiếu nhi đã trở thành những quy định nào trong Luật Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em vừa học?  Bài 4:  - Gọi HS trình bày bài, GV chữa 1 đoạn trên . Soi bài.  => Theo em những việc làm của Vịnh trong bài thuộc về quyền hay bổn phận của trẻ em?  **3. Củng cố, dặn dò**: (2 - 3’)  - Trẻ em có những quyền và bổn phận gì?  - Nhận xét giờ học, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - HS nêu  - HS đọc thầm, nêu yêu cầu  + HS dùng từ điển để hiểu nghĩa các từ  - HS làm vở bài tập, chữa miệng.  - HS đọc thầm, nêu yêu cầu  - HS làm vở bài tập, chữa miệng  - Nghĩa vụ, nhiệm vụ, trách nhiệm, phận sự.  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm vở bài tập, chữa miệng  - Bổn phận  - Những quy điịnh được nêu trong điều 21.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm vở bài tập, chữa bảng phụ  - HS nêu |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 4** **KỂ CHUYỆN**

**Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

\* Rèn luyện kĩ năng nói

- Biết kể tự nhiên bằng lời kể của mình một câu chuyện đã được chứng kiến hoặc tham gia nói về gia đình, nhà trường chăm sóc giáo dục trẻ em, hoặc trẻ em thực hiện bổn phận với gia đình nhà trường và xã hội.

- Hiểu câu chuyện, trao đổi với các bạn ý nghĩa nội dung của câu chuyện.

\* Rèn luyện kĩ năng nghe

- Nghe lời bạn kể nhận xét đúng lời kể của bạn

**2. Năng lực**: Mạnh dạn, tự tin khi trình bày ý kiến và kể chuyện; tích cực hoạt động nhóm và biết tham gia nhận xét, đánh giá bạn.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt. GD HS có ý thức thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video - HS khởi động  - Giới thiệu bài:  **2.Hình thành kiến thức.**  **a. Tìm hiểu yêu cầu của đề bài**:(6 - 8’)  - GV gọi HS đọc đề bài (GV trình chiếu)  - Cho HS phân tích đề (GV gạch chân các từ trọng tâm: Chăm sóc, bảo vệ, công tác xã hội).  - Những hành động nào, hoạt động nào thể hiện sự chăm sóc bảo vệ thiếu nhi của gia đình nhà trường và xã hội?  - Những công tác xã hội nào thiếu nhi thường tham gia?  - Hãy nêu tên câu chuyện mình định kể?  - Khi kể chuyện phải kể theo trình tự nào?  **b. Học sinh kể chuyện:** (22- 24’)  - Cho HS kể nhóm đôi  + GV bao quát chung, đến từng nhóm giúp đỡ HS  - Gọi HS kể cá nhân, nhận xét nội dung chuyện, lời kể.  **c. Tìm hiểu nội dung ý nghĩa**: (3- 5’)  (Lồng vào mục b sau mỗi câu chuyện)  - Cho HS trao đổi nội dung ý nghĩa của từng câu chuyện?  - Cho HS nhận xét bạn có câu chuyện hay nhất. GV nhận xét tuyên dương một số em kể hay?  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (2 - 4’)  - Theo em trẻ em có những bổn phận gì với gia đình, nhà trường và xã hội?  - GV nhận xét giờ học, chuẩn bị bài sau. | - 1 HS đọc, lớp đọc thầm  - HS phân tích đề.  - HS đọc thầm gợi ý 1/SGK, nêu  - HS đọc thầm gợi ý 2/SGK, nêu  - HS nêu.  - HS nêu.  - HS kể nhóm đôi kể xong trao đổi với bạn về nội dung, ý nghĩa câu chuyện  - HS kể cá nhân  - HS kể chuyện đặt câu hỏi cho cả lớp (ngược lại)  + Ý nghĩa của câu chuyện là gì?  + Cảm nhận của bạn về việc làm đó?  - HS nhận xét |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 5**   **KĨ THUẬT**

**Lắp ghép mô hình tự chọn**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:**

- Lắp đ­ược mô hình đã chọn.

- Tự hào về mô hình mình đã tự lắp đ­ược.

**2. Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất:** Giáo dục tính cẩn thận, tỉ mỉ và kiên trì cho học sinh. Yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV**: Lắp sẵn 1 trong 2 mô hình đã gợi ý trong SGK.

- Bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật. TV, MT.

**2. HS:** Bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Giới thiệu bài:  **2. Hình thành kiến thức**  **a, HĐ1: HS chọn mô hình** .(23- 25’)  - GV cho nhóm HS tự chọn một mô hình lắp ghép theo gợi ý trong SGK.  - GV cung cấp thêm cho HS một số mô hình ngoài SGK đã cung cấp  - GV yêu cầu HS quan sát và nghiên cứu kĩ mô hình và hình vẽ trong SGK hoặc hình vẽ tự s­ưu tầm .  - GV gợi ý HS quan sát kĩ từng bộ phận của mỗi mô hình, các chi tiết cần để lắp ghép mô hình đó.  **b, HĐ 2: Nhận xét, đánh giá** (3- 5’)  - GV nhận xét sự chuẩn bị của HS, tinh thần thái độ học tập .  - GV nhắc HS suy nghĩ cách lắp các mô hình đã lựa chọn.  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (1 - 2’)  - GV nhận xét sự chuẩn bị của HS, tinh thần thái độ học tập và kĩ năng lắp ghép xe ben.  - Dặn HS chuẩn bị vật liệu cho tiết sau: Lắp ghép mô hình tự chọn | - HS khởi động  - HS chọn mô hình theo ý mình hoặc sư­u tầm.  - HS quan sát, theo dõi.  - HS quan sát và nghiên cứu mô hình, hình vẽ đã s­ưu tầm đ­ược.  - HS quan sát.  - HS theo dõi.  - HS theo dõi  - HS nghe  - HS nghe và thực hiện |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 6** **TẬP LÀM VĂN**

**Tả người**

(Kiểm tra)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:** Giúp học sinh.

- HS viết được 1 bài văn tả người hoàn chỉnh, có bố cục rõ ràng, đủ ý, thể hiện được những quan sát riêng, dùng từ đặt câu, liên kết câu đúng, câu văn có hình ảnh, cảm xúc.

**2. Năng lực:** HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến; tự hoàn thành bài văn đúng yêu cầu.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

- GD HS yêu quý, kính trọng moi người.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Bảng phụ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Khởi động kết nối** (3 - 5’).

- GV nêu yêu cầu giờ học

**2. Kiểm tra**: (37’)

- GV ghi 3 đề bài / SGK vào bảng phụ

- Hướng dẫn HS làm bài.

- Cho HS viết bài vào vở, GV bao quát chung nhắc nhở HS trình bày sạch đẹp

- Thu chấm bài.

**3. Nhận xét giờ học**:(2’)

- Chuẩn bị bài sau

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 7** **TẬP ĐỌC**

**Nếu trái đất thiếu trẻ con**

**Đỗ Trung Lai**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Biết đọc lưu loát, diễn cảm bài thơ thể tự do

- Hiểu các từ ngữ trong bài. Hiểu ý nghĩa bài thơ: Tình cảm yêu mến và trân trọng của người lớn đối với thế giới tâm hồn ngộ nghĩnh của trẻ thơ.

- Học thuộc lòng bài thơ

**2. Năng lực**: Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin, trình bày ý kiến rõ ràng, ngắn gọn trước lớp, biết lắng nghe bạn đọc và trả lời để cùng chia sẻ và nhận xét bạn đọc.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt. GD có những ước mơ, khát vọng tốt đẹp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT. Tranh

**2. Học sinh:** SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Đọc bài: Lớp học trên đường.  - Nêu nội dung chính của bài?  - Giới thiệu bài:  **2. Hình thành kiến thức**  **a. Luyện đọc đúng:** (10- 12’)  - Đọc nối đoạn?  + Rèn đọc đoạn:  \* Đoạn 1:  - Câu 1, 2, 3 đọc liền mạch, hơi nhanh, câu 5 đọc nhịp 2, 3.  - Nêu cách đọc đúng đoạn 1?  \* Đoạn 2:  + Dòng 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 đọc nhanh, liền mạch  - Nêu cách đọc đúng đoạn 2?  \* Đoạn 3:  - Nêu cách đọc đúng đoạn 3?  - Nêu cách đọc đúng đoạn toàn bài?  - Gọi HS đọc cả bài  - GV đọc mẫu cả bài.  **b. Hướng dẫn tìm hiểu bài:**(10-12’)  - Nhận vật tôi và anh trong bài thơ là ai?  - Tại sao từ Anh lại được viết hoa?  - GV tổng kết.  - Cảm giác thích thú của vị khách về phòng tranh được bộc lộ qua những chi tiết nào?  - Tranh vẽ của các bạn nhỏ có gì ngộ nghĩnh?  => GV tổng kết.  - 3 dòng thơ cuối là lời của ai? Em hiểu 3 dòng cuối như thế nào?  => Bài thơ ca ngợi trẻ em ngộ nghĩnh, sáng suốt. Trẻ em là tương lai của đất nước. Vì trẻ em mọi hoạt động của người lớn đều trở lên có ý nghĩa.  - Nêu nội dung chính của bài?  => GV chốt nội dung chính  **d. Luyện đọc diễn cảm:** (10 - 12’)  \* Đ 1: Nêu cách đọc diễn cảm đoạn 1?  \* Đ 2: Nêu cách đọc diễn cảm đoạn 2?  \* Đ 3: Nêu cách đọc diễn cảm đoạn 3?  -Nêu cách đọc diễn cảm toàn bài?  - GV đọc mẫu cả bài  - Gọi HS đọc bài.  - GV nhận xét, tư vấn cho 1 số HS.  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (2- 4’)  - Nêu nội dung chính của bài.  - Nhận xét giờ học, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - HS đọc  - HS nêu  - 1 HS đọc bài, lớp nhẩm theo cho thuộc và tập chia đoạn (3 đoạn).  Đoạn 1: Khổ 1  Đoạn 2: Khổ 2, 3  Đoạn 3: Còn lại  - 3 HS đọc nối đoạn theo dãy  + Ngắt hơi chưa đúng câu 1, 2, 3, 5.  - HS đọc mẫu.  - Đọc trôi chảy, đúng nhịp các dòng thơ  - HS luyện đọc đoạn 1 theo dãy  - HS đọc mẫu  + GN: Pô- pốp  - HS đọc thầm/SGK, nêu nghĩa của từ  - Đọc lưu loát, đúng nhịp các câu thơ, đọc đúng ngữ điệu các câu hỏi, câu cảm  - HS luyện đọc đoạn 2 theo dãy  + GN: Sáng suốt, lặng người, vô nghĩa  - HS đọc thầm/ SGK, nêu nghĩa của từ  - Đọc trôi chảy lưu loát …  - HS luyện đọc đoạn 3 theo dãy  - HS nêu  - 1-2 HS đọc  - HS lắng nghe  - Đọc thầm đoạn 1.  + Tôi: là tác giả- nhà thơ Đỗ Trung Lai; anh: Pô- pốp  - Bày tỏ lòng kính trọng anh phi công vũ trụ Pô- pốp đã 2 lần được phong danh hiệu anh hùng lao động Liên Xô  - HS đọc thầm đoạn 2  - Qua lời mời xem tranh, qua các từ ngữ biểu lộ thái độ ngạc nhiên, vui sướng, qua vẻ mặt...  - Đầu phi công rất to thông minh; mắt chiếm nửa già khuôn mặt, trong mắt chứa nửa số sao trời...  - HS đọc thầm đoạn 3  - Lời của anh hùng Pô- pốp nói với nhà thơ, ý muốn nói trẻ em là tương lai của thế giới. Vì vậy nếu trái đất thiếu trẻ em thì văn minh hay lạc hậu đều không có nghĩa gì hết.  - HS nêu  - Đọc giọng vui, hơi nhanh, nhấn giọng ở từ: Trẻ nhất, rất nhiều  - HS luyện đọc đoạn 1 theo dãy  - Đọc giọng nhanh, vui sướng, câu cuối giọng chậm lại, nhấn giọng ở 1 số từ ngữ, thể hiện tâm trạng của Pô - pốp  - HS luyện đọc đoạn 2 theo dãy  - 3 câu cuối đoạn đọc giọng trầm lắng, nhấn giọng ở các từ: Lặng người, vô nghĩa, là các em.  - HS luyện đọc đoạn 3 theo dãy  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS đọc theo đoạn (3 em), HS đọc đoạn mình thích (1- 2 em), đọc thuộc lòng cả bài (3- 4 em)  - HS khác nhận xét |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Thứ Năm ngày 9 tháng 5 năm 2024**

**Tiết 1**  **TOÁN**

**Luyện tập chung**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh củng cố về.

- Tỉ số phần trăm và giải toán về tỉ số phần trăm.

- Tính diện tích và chu vi của hình tròn.

- Vận dụng làm đúng các bài tập có liên quan.

**2. Năng lực**: HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Phấn màu,TV, MT, MS.

**2. Học sinh:** bảng con, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Tìm số trung bình cộng của :  16,9 ; 8,15 ; 37,2 ; 23,48 ; 17.  - GV chữa bài, nêu cách làm?  - Giới thiệu bài:  **2. Luyện tập** (32 - 34')  a. Phần 1 :  - Yêu cầu HS đọc kĩ bài suy nghĩ và chọn đáp án đúng.  - GV chấm, chữa bài  - Giải thích vì sao em chọn đáp án đó.  + Nêu cách viết 1 số phần trăm ra số thập phân (bài 1)?  + Em làm thế nào để tìm được 1/5 của số đó là 100 (bài 2)?  + Vì sao em biết hình d có chứa nhiều hình lập phương nhất (bài 3)?  b. Phần 2 :  \* Bài 1.  - Bài yêu cầu gì?  - GV chấm chữa bài. Soi bài.  - Em đã tính S của phần tô màu bằng cách nào?  - Nêu cách tính chu vi phần không tô màu?  => Muốn tính chu vi, diện tích hình tròn em làm thế nào?  - Chốt kiến thức  \* Bài 2: (Dành cho HS TTN)  - Bài hỏi gì?  - GV chữa bài. Soi bài.  - Em giải bài toán này bằng cách nào? Nêu các bước làm ?  + Nêu cách giải dạng toán tổng - tỉ?  - Chốt kiến thức  \* Dự kiến sai lầm: Phần 2: Bài 1: HS có thể không hình dung ra cách ghép hình. Bài 2 HS không biết đổi 120% = 120/100 = 6/5 và đưa về dạng toán tổng- tỉ  **3. Củng cố, dặn dò**: (2 - 3')  - Nhận xét giờ học, về nhà ôn bài chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - HS làm bảng con.  - HS nêu  - HS đọc, nêu yêu cầu làm bài, chữa miệng.  1c; 2c; 3d  - HS nêu  - HS nêu  - HS (tiếp thu nhanh) nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - Tính diện tích phần tô màu, chu vi phần không tô màu  - HS làm vở nháp, chữa bảng phụ.  - Ghép 4 mảnh tô màu được 1 hình tròn có r = 10 cm - S phần tô màu là S h. tròn có r = 10 cm.  - Ghép các mảnh không tô màu được 1 hình tròn có r = 10 cm chu vi hình tròn này chính là chu vi phần không tô màu.  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - Mua cá hết bao nhiêu tiền  - HS làm vở chữa bảng phụ.  \* C1: đổi 120% = 120/100 = 6/5 như vậy tiền mua cá = 6/5 tiền mua gà đưa về dạng tổng - tỉ để làm.  \* C2: 88.000 : (120 + 100) x 120 = 48.000 (đồng).  - HS nêu |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 2**  **TẬP LÀM VĂN**

**Trả bài văn tả cảnh**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Biết rút kinh nghiệm về cách bố cục, trình tự miêu tả, quan sát và chọn lọc chi tiết, cách diễn đạt, trình bày trong bài văn tả cảnh

- Có ý thức tự đánh giá những thành công và hạn chế trong bài viết của mình, phát hiện và sửa lỗi đã mắc trong bài làm của mình, biết viết lại 1 đoạn văn trong bài làm của mình cho hay hơn

**2. Năng lực**: HS mạnh dạn tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT, MS.

**2. Học sinh:** SGK, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Nêu cấu tạo của bài văn tả cảnh ?  - Giới thiệu bài:  **2. Hình thành kiến thức:** (30 - 32’)  **a. Trả bài, chữa lỗi**  - GV đưa 4 đề bài/ SGK (MH)  \* Nhận xét chung về bài làm của học sinh  - Ưu điểm:  + Đa số HS hiểu bài, viết đúng thể loại, đúng yêu cầu của đề bài, bố cục rõ ràng, nhiều bài viết tốt, câu văn có hình ảnh, diễn đạt sinh động.  - Nhược điểm:  + Một số bài viết còn sơ sài, viết sai chính tả, diễn đạt lủng củng: ……………………..  + Mở bài, thân bài viết chưa phù hợp: …  \* Một số lỗi điển hình:  - GV đưa ra 1 số lỗi điển hình để HS nhận xét và chữa  - Lỗi chính tả:  - Lỗi dùng từ:  - Lỗi về câu, sắp xếp ý:  **b. Trả bài và hướng dẫn học sinh chữa lỗi trong bài.**  **c. Học tập những đoạn văn hay:**  - GV gọi 1 số HS đọc đoạn văn hay trong những bài văn được điểm cao cho các bạn học tập. Soi bài.  **d. Hướng dẫn HS viết lại đoạn văn:**  - GV gợi ý HS viết lại đoạn văn khi:  + Sai nhiều lỗi chính tả  + Diễn đạt lủng củng chưa rõ ý  + Dùng từ chưa hay  + Mở bài, kết bài chưa hay  - Gọi HS đọc đoạn vừa viết. Soi bài.  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (2 - 4’)  - Nêu cấu tạo của bài văn tả cảnh?  - Nhận xét giờ học, chuẩn bị bài sau. | - HS khởi động  - HS nêu  - HS đọc lại các đề bài  - HS lắng nghe.  - HS chữa lần lượt từng lỗi:  - HS đọc lại bài của mình, đọc lời nhận xét của GV phát hiện thêm lỗi và tự chữa lỗi  - Đổi vở để soát lỗi  - HS đọc.  - HS chọn 1 đoạn chưa hay trong bài của mình để viết lại cho hay hơn vào vở bài tập  - HS đọc lại đoạn vừa viết.  - HS nêu. |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………

**Tiết 4** **LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**Ôn tập về dấu câu**

(Dấu gạch ngang)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Lập được bảng tổng kết về tác dụng của dấu gạch ngang (BT1); tìm được các dấu gạch ngang và nêu được tác dụng của chúng (BT2).

-Vận dụng kiến thức về dấu gạch ngang để làm các bài tập có liên quan.

- Giảm bớt nội dung bài tập, chuyển thành bài tập viết câu, đoạn.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Cẩn thận, tỉ mỉ, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. Đồ dùng

**1. Giáo viên:** TV, MT, MS. Nội dung cần ghi nhớ về dấu gạch ngang, nội dung bài tập 1.

**2. Học sinh:** Nháp, bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Cho HS đọc đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về nhân vật Út Vịnh tiết LTVC trước.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng  **2. Luyện tập:** (28- 30’)  a,Bài tập 1:  - Gọi HS đọc yêu cầu  - GV đưa lên MH, gọi HS đọc lại 3 tác dụng của dấu gạch ngang.  - GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm đôi.  - GV nhận xét chữa bài. Soi bài.  Tác dụng của dấu gạch ngang  a, Đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật trong đối thoại.  b, Đánh dấu phần chú thích trong câu  c, Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê  b, Bài tập 2:  - Gọi HS đọc yêu cầu và mẩu chuyện Cái bếp lò  - Bài có mấy yêu cầu?  - Yêu cầu HS làm bài  - GV nhận xét chữa bài. Soi bài.  **3. Củng cố, dặn dò:** (2- 4’)  - Em hãy nêu tác dụng của dấu gạch ngang ? Cho ví dụ ?  - Dặn HS ghi nhớ KT về dấu gạch ngang để dùng đúng dấu câu này khi viết bài. | - HS khởi động  - HS đọc, nêu.  - HS nghe  - HS nhắc lại    - HS nêu yêu cầu.  - Đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật trong đối thoại.  - Đánh dấu phần chú thích trong câu  - Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê  - HS đọc kĩ đoạn văn, làm bài.  - HS trình bày  - HS khác nhận xét.  Ví dụ  a,- Tất nhiên rồi.  - Mặt trăng cũng như vậy, mọi thứ đều như vậy…  b, Đoạn a: Giọng công chúa nhỏ dần**,** nhỏ dần. (chú thích đồng thời miêu tả giọng công chúa nhỏ dần)  + Đoạn b: …, nơi Mị Nương- con gáivua Hùng Vương thứ 18 - theo Sơn Tinh … (chú thích Mị Nương là con gái vua Hùng thứ 18)  c, Đoạn c: Thiếu nhi tham gia công tác xã hội.  - Tham gia tuyên truyền, cổ động…  - Tham gia Tết trồng cây, làm vệ sinh  - Chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, giúp đỡ,  - HS đọc yêu cầu của bài  - Bài có 2 yêu cầu  + Tìm dấu gạch ngang trong mẩu chuyện Cái bếp lò.  + Nêu tác dụng của dấu gạch ngang trong từng trường hợp.  - HS làm bài và trình bày.  - Nhận xét bài làm của bạn trên bảng  - HS nêu  - HS nghe và thực hiện |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 5** **ĐỊA LÍ**

**Ôn tập học kì II**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Ôn tập củng cố những kiến thức cơ bản về tự nhiên và xã hội của các châu lục và đại d­ương trên thế giới.

- Xác định và chỉ đúng vị trí của các châu lục và đại dư­ơng trên BĐTG

**2. Năng lực**: HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến; tích cực hoạt động và hợp tác với bạn trong nhóm.

**3. Phẩm chất**: Giáo dục lòng yêu quê hương đất nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Bản đồ tự nhiên các châu lục và thế giới. Quả Địa cầu. TV, MT.

**2. Học sinh**: SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  + Hãy kể tên các châu lục và các đại dương trên thế giới?  - GV nhận xét  **-** Giới thiệu bài  **3. Ôn tập:** (28- 30’)  - GV chia HS nhóm, yêu cầu đọc BT2a  - GV tổ chức cho HS trình bày.  - GV nhận xét, sửa chữa và bổ sung để hoàn thành.  BT2b/. | - HS khởi động  - Vài HS trả lời.  - HS làm bài  - HS khác nhận xét - bổ sung. |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Châu Á | Châu Âu | Châu Phi | | - Vị trí (thuộc bán cầu nào). | Bán cầu Bắc | Bán cầu Bắc | Nằm giữa hai  chí tuyến | | - Thiên nhiên (đặc điểm nổi bật). | Có đủ các đới khí hậu | Có đới khí hậu ôn hòa. | Châu phi có khí hậu nóng và khô nhất  thế giới | | - Dân cư. | Có số dân đông nhất thế giới, da vàng | Dân cư chủ yếu là người da trắng. | Hơn 1/3 số dân  là người da đen. | | - HĐ kinh tế: |  |  |  | | + Một số sản phẩm công nghiệp | Máy móc | Máy bay, ô tô, thiết bị, hàng điện tử, len dạ, dược phẩm, mĩ phẩm | Khai thác khoáng  sản | | + Một số sản phẩm nông nghiệp | Lúa gạo, lúa mì, bông, cao su, cây ăn quả….và chăn nuôi trâu bò. | Lúa mì, khoai tây, củ cải đường, bò | Ca cao, cà phê, bông, lạc |   BT2c/.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Châu Mĩ | Châu Đại Dương | Châu Nam Cực | | - Vị trí | Bán cầu tây | Bán cầu nam | Bán cầu nam | | - Thiên nhiên (đặc điểm nổi bật). | Đa dạng và phong phú | Có khí hậu khô hạn | Là châu lục lạnh nhất thế giới | | - Dân cư. | Phần lớn là người nhập cư từ các châu lục khác đến | Da màu sẫm, mắt đen, tóc xoăn. | Không có dân cư | | - HĐ kinh tế: |  |  |  | | + Một số sản phẩm công nghiệp | Điện tử hàng không vũ trụ | Năng lượng, khoáng sản, luyện kim máy móc |  | | + Một số sản phẩm nông nghiệp | Lúa mì, bông, lợn sữa, cam, nho. | Lông cừu thịt bò và sữa |  | | |
| **4. Củng cố, dặn dò** (2- 3’)  - Hôm nay lớp chúng ta học bài gì ?  - Tuyên dương những em học tốt và tích cực phát biểu xây dựng bài....  - Phê bình, khuyến khích các em học chưa tốt,chưa tích cực, chưa tập trung vào bài.  - GV dặn HS về nhà ôn tập để chuẩn bị kiểm tra cuối năm. | - Ôn tập cuối năm  - HS lắng nghe |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 6** **LỊCH SỬ**

**Ôn tập học kì II**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh nắm được một số sự kiện, nhân vật lịch sử tiêu biểu từ 1858 đến nay:

- Thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhân dân ta đứng lên chống Pháp.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo cách mạng nước ta; Cách mạng tháng Tám thành công; ngày 2 - 9 - 1945 Bác Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- Cuối năm 1945 thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta, nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến giữ nước. Chiến thắng Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến.

- Giai đoạn 1954 - 1975: Nhân dân miền Nam đứng lên chiến đấu, miền Bắc vừa xây dựng chủ nghĩa xó hội, vừa chống trả cuộc chiến tranh phỏ hoại của đế quốc Mĩ, đồng thời chi viện cho miền Nam. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, đất nước được thống nhất.

**2. Năng lực**: HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến; tích cực hoạt động và hợp tác với bạn trong nhóm.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích tìm hiểu lịch sử của đất nước.

**II. ĐỒ DÙNG DAY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT. Bản đồ hành chính Việt Nam. Tranh ảnh.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Giới thiệu bài:  **2. Các hoạt động:**  **a, Hoạt động 1: Thực hành**  \* Mục tiêu: Thống kê các sự kiện lịch sử tiêu biểu từ năm 1945 đến 1975:  \* Cách tiến hành:  - GV treo bảng thống kê hoàn chỉnh  - Lưu ý: Trong bài tập 1 HS đã thống kê các sự kiện lịch sử tiêu biểu từ năm 1958 đến 1945  - YC lớp trưởng điều khiển các bạn trong lớp đàm thọai để cùng xây dựng bảng thống kê, sau đó HD HS này cách đặt câu hỏi cho các bạn để cùng lập bảng thống kê.  - YC HS cả lớp làm lớp trưởng điều khiển  - Gọi HS điều khiển nêu câu hỏi  - GV NX  + Từ năm 1945 đến nay lịch sử nước ta chia làm mấy giai đọan?  + Mỗi giai đọan có sự kiện lịch sử nào đáng tiêu biểu? Sự kiện đó xảy ra vào thời gian nào?  -Tổ chức cho HS chọn 5 sự kiện có ý nghĩa lớn trong lịc sử của dân tộc ta từ năm 1945 đến nay.  - GV làm trọng tài khi HS không giải quyết được vấn đề.  \* Kết luận:  **b, Hoạt động 2:** Thi kể chuyện lịch sử:  \* Mục tiêu: Nêu tên các trận đánh lớn của lịch sử từ năm 1945 đến 1975, kể tên các nhân vật lịch sử tiêu biểu trong giai đọan này.  \* Cách tiến hành:  - GV ghi nhanh ý kiến của HS lên bảng thành 2 phần  \* Trận đánh lớn  \* Nhân vật lịch sử tiêu biểu.  - Tổ chức cho HS thi kể về các trận đánh, các nhân vật lịch sử trên  \* Tổng kết cuộc thi: Tuyên dương  **3. Củng cố- Dặn dò** (2- 3’)  - Tổng kết chương trình: Chúng ta có quyền tự hào về những trang sử vàng chói lọi của dân tộc. Từ khi có Đảng, Bác Hồ lãnh đạo, dân tộc Việt Nam đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác…  - Nhận xét tiết học | - HS khởi động  - Lắng nghe.  - Đọc lại bảng thống kê mà mình đã làm ở nhà theo yêu cầu tiết trước.  - Lớp trưởng điều khiển các bạn trong lớp đàm thọai để cùng xây dựng và lập bảng thống kê.  - HS cả lớp làm lớp trưởng điều khiển  - HS điều khiển nêu câu hỏi  - Lớp trả lời bổ sung ý kiến.  - HS điều khiển kết luận đúng sai, nếu đúng thì mở bảng thống kê cho các bạn đọc lại nếu sai yêu cầu các bạn khác đọc lại.  - HS trao đổi thống nhất sự kiện.  - HS nêu  1/-Ngày 19/8/1945, CM tháng 8 thành công  2/-Ngày 2/9/1945, Bác Hồ đọc tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.  3/-Ngày 7/5/1954, Chiến thắng Điện Biên Phủ, kết thúc thắng lợi 9 năm kháng Pháp.  4/-Tháng 12/1972, chiến thắng Điện Biên Phủ trên không, đưa đến việc Mỹ kí hiệi định Pa-ri chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình Việt Nam.  5/-Ngày 30/4/1975, chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử tòan thắng Miền Nam giải phóng đất nước.  -HS nối tiếp nhau phát biểu ý kiến  (HS chỉ nêu tên 1 trận đánh hoặc 1 nhân vật lịch sử )  \* Các trận đánh lớn: 60 ngày đêm chiến đấu kìm chân giặc của quân dân Hà Nội 1946, chiến dịch Việt Bắc thu đông 1950, chiến dịch Điện Biên Phủ, Tổng tấn công và nổi dậy tết Mậu Thân 1968, chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.  \* Các nhân vật lịch sử: Chủ tịch Hồ Chí Minh, 7 anh hùng được tuyên dương trong đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc…  - HS xung phong lên kể trước lớp.  - NX. |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 7** **GIÁO DỤC TẬP THỂ**

**Sinh hoạt lớp**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đánh giá các mặt hoạt động đã diễn ra trong tuần 34

- Bàn biện pháp khắc phục những hạn chế của tuần 35.

- Triển khai kế hoạch cho các hoạt động của tuần 35

- Giúp HS nắm được và có ý thức thực hiện đúng nội quy của HS trong nhà trường.

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ổn định tổ chức lớp**:  **2. Lớp trưởng đánh giá các mặt hoạt động trong tuần:**  - GV Yêu cầu Ban cán sự lớp đánh giá hoạt động tuần qua.  - Yêu cầu HS nêu ý kiến. Gv chốt.  - Nề nếp  - Học tập  - Các mặt hoạt động khác:  **3. Bình bầu cá nhân xuất sắc: 3- 5’**  - Khen : ................................................................  - Chê: ....................................................................  **4. Lớp trưởng triển khai KH hoạt động của lớp trong tuần tới**  - Nề nếp  - Học tập  - Các mặt hoạt động khác .  **5. GV chủ nhiệm phát biểu ý kiến chỉ đạo** a. Đánh giá hoạt động tuần qua:  - GV nhận xét, đánh giá:  + Nề nếp: Ôn bài bước đầu có nề nếp.  + Học tập: Ôn tập tốt cho KTĐK cuối HKII  + Lao động, vệ sinh, công tác phòng chống dịch: Tương đối tốt.  b. Hoạt động tuần tới:  - Duy trì nề nếp tốt. Đảm bảo trang phục và VSCN, phòng chống dịch Covid- 19.  - Học tập: Ôn bài đầu giờ có chất lượng. Rèn thói quen tự học.  - Các mặt hoạt động khác: Tích cực tham gia công tác Đội.  - Khắc phục những tồn tại tuần qua. | - Ban cán sự lớp đánh giá hoạt động tuần qua.  - Ý kiến của HS trong lớp.  - Nề nếp:  - Học tập:  - Các hoạt động khác:  - HS bình bầu.  - Nhận xét.  - Lớp trưởng triển khai KH hoạt động của lớp trong tuần tới  - Nề nếp  - Học tập  - Các mặt hoạt động khác .  - HS lắng nghe  - HS thực hiện. |

**Thứ Sáu ngày 10 tháng 5 năm 2024**

**Tiết 1**   **TOÁN**

**Luyện tập chung**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh củng cố về.

- Tính thời gian gặp nhau trong chuyển động đều, thời gian gặp nhau trong chuyển động cùng chiều.

- Tính thể tích hình hộp chữ nhật.

- Giải bài toán có liên quan đến tỉ số phần trăm, kĩ năng sử dụng máy tính bỏ túi.

- Vận dụng làm đúng các bài tập có liên quan.

**2. Năng lực**: HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT, MS.

**2. Học sinh**: Nháp

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Tìm 40% của 100.  - GV chữa bài, YC HS nêu cách làm?  - Giới thiệu bài:  **2. Luyện tập** (32 - 34')  a. Phần 1 :  - Yêu cầu HS đọc kĩ bài suy nghĩ và chọn đáp án đúng.  - GV chấm, chữa bài. Soi bài.  - Giải thích vì sao em chọn đáp án đó?  => Nêu cách tính thời gian trong chuyển động đều (bài 1)?  - Nêu cách tính thể tích của hình hộp chữ nhật? (bài 2)  - Nêu cách tính thời gian gặp nhau trong chuyển động cùng chiều? (bài 3)  b. Phần 2:  \* Bài 1.  - Bài hỏi gì?  - GV chấm, chữa bài. Soi bài.  => Để tính được mẹ bao nhiêu tuổi em làm thế nào?  - Chốt kiến thức  \* Bài 2:  - Bài hỏi gì?  - GV chấm chữa bài. Soi bài.  - Em giải bài toán này bằng cách nào?  Nêu các bước làm?  - Em có nhận xét gì về diện tích và dân số ở 2 thành phố Sơn La và Hà Nội?  => Dân số nước ta có sự phân bố không đồng đều giữa các vùng miền, dân số tập trung đông đúc ở các thành phố lớn. Hiện nay Đảng và nhà nước có chính sách di dân lên những tỉnh vùng cao để cân bằng dân số giữa các vùng miền.  - Chốt kiến thức  \* Dự kiến sai lầm: Ở phần 2: Bài 1 HS có thể không biết tính tổng số tuổi của 2 con xem chiếm bao nhiêu phần tuổi của mẹ.  **3. Củng cố, dặn dò:** (2 - 3')  - Nhận xét giờ học. | - HS khởi động  - HS làm bảng con.  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm SGK chữa miệng.  1C; 2A; 3B  - HS nêu  - HS nêu  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - Hỏi mẹ bao nhiêu tuổi.  - HS làm vở nháp, chữa bảng phụ.  Tổng số tuổi của con trai và con gái chiếm số phần tuổi của mẹ là:  (tuổi của mẹ)  Tuổi mẹ là:  18 :  = 40 ( tuổi)  Đáp số: 40 tuổi  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS nêu.  - HS làm bài, chữa.  Số dân của thủ đô Hà Nội là:  2627 x 921 = 2419467 (người)  Số dân của Sơn La là:  61 x 14 210 = 866810 người)  a. Dân số của Sơn La chiếm số phần trăm dân số ở Hà Nội là:  866810 : 2419467 = 35,83%  b. Nếu dân số Sơn La tăng lên 100 người /1km2  thì số dân của Sơn La phải tăng thêm số người là:  (100 x 14210)- 866810 = 554190 (người)  - HS nêu cách giải.  - Diện tích ở thủ đô Hà Nội hẹp hơn nhưng mật độ dân số lại cao hơn ở Sơn La gấp nhiều lần. |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………..

**Tiết 2**  **TẬP LÀM VĂN**

**Trả bài văn tả người**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Biết rút kinh nghiệm về cách bố cục, trình tự miêu tả, quan sát và chọn lọc chi tiết, cách diễn đạt, trình bày trong bài văn tả người

- Có ý thức tự đánh giá những thành công và hạn chế trong bài viết của mình, phát hiện và sửa lỗi đã mắc trong bài làm của mình, biết viết lại 1 đoạn văn trong bài làm của mình cho hay hơn

**2. Năng lực**: HS mạnh dạn tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT, MS.

**2. Học sinh:** SGK, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Nêu cấu tạo của bài văn tả người ?  - Giới thiệu bài:  **2. Hình thành kiến thức**  a. Trả bài, chữa lỗi (32 - 34’)  - GV treo bảng phụ chép 4 đề bài/ SGK  \* Nhận xét chung về bài làm của học sinh  - Ưu điểm:  + Đa số HS hiểu bài, viết đúng thể loại, đúng yêu cầu của đề bài, bố cục rõ ràng, nhiều bài viết tốt, câu văn có hình ảnh, diễn đạt sinh động.  - Nhược điểm:  + Một số bài viết còn sơ sài, viết sai chính tả, diễn đạt lủng củng: ……………………..  + Mở bài, thân bài viết chưa phù hợp: …  \* Một số lỗi điển hình:  - GV đưa ra 1 số lỗi điển hình để HS nhận xét và chữa  - Lỗi chính tả:  - Lỗi dùng từ:  - Lỗi về câu, sắp xếp ý:  b. Trả bài và hướng dẫn học sinh chữa lỗi trong bài.  c. Học tập những đoạn văn hay:  - GV gọi 1 số HS đọc đoạn văn hay trong những bài văn được điểm cao cho các bạn học tập. Soi bài.  d. Hướng dẫn HS viết lại đoạn văn:  - GV gợi ý HS viết lại đoạn văn khi:  + Sai nhiều lỗi chính tả  + Diễn đạt lủng củng chưa rõ ý  + Dùng từ chưa hay  + Mở bài, kết bài chưa hay  - Gọi HS đọc đoạn vừa viết.  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (2 - 4’)  - Nêu cấu tạo của bài văn tả người?  - Nhận xét giờ học, chuẩn bị bài sau. | - HS khởi động  - HS nêu  - HS đọc lại các đề bài  - HS lắng nghe.  - HS chữa lần lượt từng lỗi:  - HS đọc lại bài của mình, đọc lời nhận xét của GV phát hiện thêm lỗi và tự chữa lỗi  - Đổi vở để soát lỗi  - HS đọc.  - HS chọn 1 đoạn chưa hay trong bài của mình để viết lại cho hay hơn vào vở bài tập  - HS đọc lại đoạn vừa viết.  - HS nêu. |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 3** **KHOA HỌC**

# **Một số biện pháp bảo vệ môi trường**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ, năng**

- Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường.

-Thực hiện một số biện pháp bảo vệ môi trường.

- Gương mẫu thực hiện nếp sống vệ sinh, văn minh, góp phần giữ vệ sinh môi trường.

**2. Năng lực:** Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên,vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

**3. Phẩm chất:** Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV**:TV, MT. Tranh. Thông tin và hình trang 140, 141 SGK.

**2. HS**: SGK, sưu tầm thông tin, hình ảnh về các biện pháp BVMT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Cho HS thi hỏi đáp theo câu hỏi:  + Nêu một số nguyên nhân dẫn đến việc môi trường không khí và nước bị ô nhiễm ?  + Nêu tác hại của việc ô nhiễm không khí và nước ?  - GV nhận xét. Giới thiệu bài. Ghi bảng  **2. Hình thành kiến thức**  **a, Hoạt động 1: Quan sát:** (13-15’)  \* Mục tiêu: Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường.  \* Cách tiến hành:- GV yêu cầu HS quan sát các hình và đọc ghi chú, tìm xem mỗi ghi chú ứng với hình nào ?  - Gọi HS trình bày.  - Chốt : Em hãy nêu các biện pháp bảo vệ môi trường ? Mỗi biện pháp bảo vệ đó ứng với khả năng thực hiện ở cấp độ nào?  - Liên hệ: Bạn có thể làm gì để góp phần bảo vệ môi trường ?  \* Kết luận: Bảo vệ môi trường không phải là việc riêng của một quốc gia nào. Đó là nhiệm vụ chung của mọi người trên thế giới.  **b. Hoạt động 2: Triển lãm** (13- 15’)  \* Mục tiêu: Thực hiện một số biện pháp bảo vệ môi trường.  \* Cách tiến hành:  - GV yêu cầu HS trình bày các biện pháp bảo vệ môi trường  - Nhận xét, tuyên dương nhóm thuyết trình tốt.  \* Kết luận:  **3. Củng cố- Dặn dò**: (2- 3’)  - Chúng ta cần làm gì để bảo vệ môi trường ?  - Các em hãy viết một đoạn văn vận động mọi người cùng chung tay, góp sức bảo vệ môi trường. | - HS khởi động  - HS chơi  - Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí: Khí thải, tiếng ồn do sự hoạt động của nhà máy và các phương tiện giao thông gây ra.  - Nguyên nhân gây ô nhiễm nước:  + Nước thải từ các thành phố, nhà máy và các đồng ruộng bị phun thuốc trừ sâu, bón phân hóa học chảy ra sông, biển,…  + Sự đi lại của tàu thuyển trên sông, biển, thải ra khí độc, dầu nhớt,…  - HS nêu  - HS nghe  - HS làm việc cá nhân, quan sát hình và làm bài  - Hình 1- b; hình 2- a; hình 3- e; hình 4- c; hình 5- d.  - HS nhắc lại các biện pháp đã nêu dưới mỗi hình.  - HS liên hệ- nhiều HS trả lời: giữ vệ sinh môi trường; trồng cây xanh; …  - Các nhóm trưng bày tranh, ảnh, thông tin về các biện pháp bảo vệ môi trường.  - Từng cá nhân trong nhóm tập thuyết trình các vấn đề nhóm trình bày.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - HS nêu  - HS thực hiện |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

……………………………………………………………………......……………………………...

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_